

Bản án số: 142 /2022/HS-ST

Ngày: 28-7-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hồng Phương.

Bà Châu Thị Lê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179 /2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Đức M, sinh năm: 1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số 58A tổ 7, khu phố 1, đường H, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí M; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1968; Chưa có vợ; tiền sự: không; tiền án: 03;

Ngày 15/11/2013, Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí M xử phạt Lê Đức M 09 tháng tù giam tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bản án số 307/2013/HS – ST); Ngày 17/3/2014 đã chấp hành xong án phạt tù.

Ngày 13/4/2015, Tòa án nhân dân quận M, thành phố Hồ Chí M xử phạt Lê Đức M 01 năm 03 tháng tù giam tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bản án số 44/2015/HS – ST). Ngày 07/3/2016 đã chấp hành xong án phạt tù.

Ngày 01/3/2017, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Lê Đức M 04 năm 06 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bản án số 27/2017/HS – ST); Bản án số 268/2017/HSPT ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh y án sơ thẩm. Ngày 30/8/2020 đã chấp hành xong án phạt tù; Tạm giam: 19/01/2022. (Có mặt).

Bị hại: Anh Lê Quốc C, sinh năm: 1996; Hộ khẩu thường trú: xã P, huyện P, tỉnh Đ; tạm trú: đường A, phường B, thành phố T, tỉnh B; (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phan Đức L, sinh năm 1999; Thường trú: đường L, phường L, thành phố T, tỉnh B; (Vắng mặt).

Anh Trần Lê T, sinh năm 1989; Thường trú: đường N, Phường B, quận G; Chỗ ở : đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 20/12/2021 Lê Đức M quen biết anh Lê Quốc C qua mạng internet và biết anh C có tài sản nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh C. Ngày 28/12/2021, M đến phòng trọ của anh C chơi và ngủ lại đây. Khoảng 8 giờ ngày 29/12/2021, M hỏi mượn anh C chiếc xe gắn máy biển số: 61C2 – 086.44 và điện thoại di động hiệu Vivo Y20 để đi công việc, tin tưởng M, anh C đã đưa xe gắn máy và điện thoại di động cho M. Sau khi chiếm đoạt được xe gắn máy và điện thoại di động của anh C, M đã đem chiếc xe gắn máy đến tiệm cầm đồ số 79 đường L, Phường M quận G cầm được số tiền 10.000.000 đồng, còn điện thoại di động M đem bán ở 01 cửa hàng (hiện nay không nhớ địa chỉ) được số tiền 2.300.000 đồng, M đã tiêu xài hết số tiền này và bỏ trốn. Riêng anh C sau khi bị M chiếm đoạt tài sản không đến Công an Phường N, quận G trình báo mà tự tìm M. Ngày 18/01/2022, anh C phát hiện M đang ở địa chỉ: 107 đường T, phường T, Quận M nên đã giữ M lại giao Công an phường T và đến Công an Phường N, quận G trình báo.

Vật chứng vụ án: Một chiếc xe gắn máy biển số: 61C2 – 086.44. Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KL – HĐĐGTS, ngày 28/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự cấp quận thì có trị giá là 31.000.000 đồng. Qua xác M xe này do Anh Phan Đức L đứng tên chủ sở hữu; làm việc với anh L thì anh cho biết xe này anh đứng tên giùm cho Anh Lê Quốc C, ngày 28/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Gò Vấp đã trao trả xe này cho Anh Lê Quốc C, anh C nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

Một điện thoại di động hiệu Vivo Y20 (không thu hồi được). Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KL – HĐĐGTS, ngày 28/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự cấp quận thì có trị giá là 2.233.333 đồng. Anh Lê Quốc C không yêu cầu Lê Đức M bồi thường chiếc điện thoại Vivo Y20.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKS, ngày 25/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Lê Đức M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Đại diện viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Đức M từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Buộc bị cáo nộp lại 12.300.000 đồng tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước. Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Lê Đức M đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Đối chiếu lời khai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Lê Đức M đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 .

Với ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo thực hiện hành vi hời hợt mượn xe máy và điện thoại di động rồi mang đi bán nhằm chiếm đoạt tài sản của anh C. Bị cáo có 03 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không chịu ăn năn hối cải lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở. Vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật, cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với tội lỗi của bị cáo nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo trở thành người tốt hơn cho xã hội, sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm để có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại. Gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về hình phạt bổ sung qui định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại Anh Lê Quốc C vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện anh đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe gắn máy biển số 61C2-08644 hiện không có ý kiến hay thắc mắc khiếu nại gì nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y20, anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 2.300.000 đồng bị cáo có được do bán chiếc điện thoại và 10.000.000 đồng là tiền bán chiếc xe gắn máy. Đây là tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại sung công quỹ Nhà nước.

[6] Đối với Anh Trần Lê T là quản lý của Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ B có địa chỉ tại đường L, Phường M, quận G không trực tiếp cầm chiếc xe nêu trên mà do một nhân viên nam có tên là M (không nhớ nhân thân lai lịch và đã nghỉ việc) nhận cầm chiếc xe máy nói trên nên không có cơ sở truy tố về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đồng thời anh không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Đức M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Đức M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/01/2022.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 12.300.000 (Mười hai triệu ba trăm ngàn) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người CQLNVLQ
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bảo Thu

